

ĐỀ SỐ 2

LANGUAGE

- PRONUNCIATION -

I - Choose the word which has the underlined part pronounced differently

1. A. front B. move C. mother D. honey
2. A. toilets B. kitchens C. bedrooms D. cupboards
3. A. fuunny B. under C. rubber D. ruler
4. A. houses B. fridges C. boxes D. tables

- GRAMMAR & VOCABULARY -

I - Choose the best option to complete each of the following sentences.

1. My mum gives me 100,000 VND a week _____ money.
A. pocket B. bag C. wallet D. purse
2. My brother always has a lot of new ideas. He's really _____.
A. generous B. shy C. curious D. creative
3. I'll reheat the soup in the _____.
A. air-conditioner B. fridge C. dishwasher D. microwave
4. We store old things in the _____ at the top of the house.
A. living room B. dining room C. attic D. bedroom
5. My close friend, Tracy, has such a kind, friendly _____.
A. display B. emotion C. personality D. appearance
6. Most British schools _____ social events for the students.
A. organise B. share C. help D. construct

II - Put the verbs in brackets in Present Simple or Present Continuous.

1. Tuan (always - bring) _____ a dictionary to his English class.
2. Where _____ your mother (work) _____ at present?
3. My sister (never - go) _____ to the swimming pool.
4. Most deciduous plants (lose) _____ their leaves in the autumn.
5. I can hear Adam. He (sing) _____ in the bathroom.
6. We (take) _____ a trip to Mount Fuji at the end of this month.

III - Choose the underlined part which needs correction.

1. My house is is between the bookstore to the department store.
A. is B. between C. to D. department
2. Ben is in his bedroom. He plays computer games.
A. in B. his C. plays D. games
3. Snow White has white skin, black hair and red lip.
A. has B. skin C. hair D. lip

4. There are some ham. I will make a sandwich for breakfast.

- A. are B. some C. make a D. for

SKILLS

- LISTENING -

Listen to Minh talking about his school and choose the best option to answer each of the following questions.

1. There are _____ students in Minh's school.

- A. more than 1000 B. under 1000 C. 1035 D. 1335

2. When does Minh go to school?

- A. In the morning B. In the afternoon
C. All day D. A or B is correct.

3. Which statement is NOT true?

- A. There are thirty-five classrooms in his school. B. He studies in class 6C.
C. He doesn't have to wear uniform to school. D. He learns twelve subjects at school.

4. What subjects does Minh like best?

- A. Music and Art B. English and Music C. English and Maths D. Maths and Art

5. Minh doesn't _____ after school.

- A. do his homework B. play basketball C. help his mother D. watch television

- READING -

I - Read the following passage and choose the best option to fill in each blank.

I (1) _____ at school at 8.45. School starts at 8.55. I wear my own clothes to school. We don't have to wear a (2) _____. There are five lessons in the morning. The last lesson finishes at 12.30. Then it's lunch. We don't have to stay at school but there is a (3) _____ so I often eat there.

There are two lessons in the afternoon. School finishes at 3.15. We can go home then or there are clubs after school, (4) _____ we don't have to go to them. We get homework every night of the week. The homework is important because we have to (5) _____ exams at the end of the year, and there's a lot to learn.

1. A. arrive B. arrives C. am arriving D. arrived
2. A. hat B. shirt C. uniform D. suit
3. A. classroom B. library C. canteen D. laboratory
4. A. so B. or C. but D. as
5. A. get B. do C. make D. have

II - Read the passage and decide whether the statements are True (T) or False (F).

Hi! My name's Chris. Let me tell you about my new house. It's the nicest house I have ever seen. It's much bigger than my last one but also more expensive. The house looks very modern.

On the first floor, there is a kitchen, a dining room and a living room. My bedroom is on the second floor and I have a great view. I finally have one that I don't have to share with my younger brother, Tom. His bedroom is opposite mine. There is also my parents' bedroom and a bathroom.

The best thing about this house is that it has a lovely garden. There is a lot of flowers and trees in it. I love it because Tom and I have lots of fun here.

1. Chris's new house is cheaper than his last one.
2. Chris's house has got two floors.
3. Tom's bedroom is on the first floor.
4. Chris and Tom shared the bedroom.
5. The garden has got many flowers and trees.

- WRITING -

I - Put the words or phrases in the correct order.

1. rooms/ are/ There/ my apartment five/ in

2. My cat/ chasing/ a rat/ is/ moment./ at/ the

3. Dwarfs/ and short/ but/ small/ strong./ are

4. judo club/ My brother/ a week./ to/ the/ goes/ twice

5. of/ is/A strange car/ front/ my house./ in

II - Write a short paragraph (40 - 60 words) to describe your favourite room in your house.

You can use the following questions as cues:

- What is your favourite room?
- What does it look like?
- What furniture is there in it?
- Why do you like it?

ĐÁP ÁN

LANGUAGE

- PRONUNCIATION -

I - Choose the word which has the underlined part pronounced differently.

1. **Đáp án: B.** move

Giải thích: move /mu:v/ có “o” được phát âm là /u:/, các phương án còn lại có “o” được phát âm là /ʌ/.

A. front /frʌnt/ C. mother /'mʌðə(r)/ D. honey /'hʌni/

2. **Đáp án: A.** toilets

Giải thích: toilets /'tɔɪləts/ có “s” được phát âm là /s/, các phương án còn lại có “s” được phát âm là /z/.

B. kitchens /'kɪtʃɪnz/ C. bedrooms /'bedru:mz/ D. cupboards /'kʌbədz/

3. **Đáp án: D.** ruler

Giải thích: ruler /'ru:lə(r)/ có “u” được phát âm là /u:/, các phương án còn lại có “u” được phát âm là /ʌ/.

A. funny /'fʌni/ B. under /'ʌndə(r)/ C. rubber /'rʌbə(r)/

4. **Đáp án: D.** tabes

Giải thích: tables /'teɪblz/ có “es” được phát âm là /z/, các phương án còn lại có “es” được phát âm là /ɪz/.

A. houses /haʊsɪz/ B. fridges /frɪdʒɪz/ C. boxes /bɒksɪz/

- GRAMMAR & VOCABULARY -

I - Choose the best option to complete each of the following sentences.

1. **Đáp án: A.** pocket

Giải thích: Ta có cụm từ: pocket money (tiền tiêu vặt).

Dịch nghĩa: My mum gives me 100,000 VND a week pocket money. (*Mẹ tôi đã cho tôi 100 nghìn tiền tiêu vặt mỗi tuần.*)

2. **Đáp án: D.** creative

Giải thích:

A. generous (*adj.*): rộng lượng

B. shy (*adj.*): xấu hổ

C. curious (*adj.*): tò mò

D. creative (*adj.*): sáng tạo

Xét về nghĩa, phương án D phù hợp nhất.

Dịch nghĩa: My brother always has a lot of new ideas. He's really creative. (*Anh trai tôi luôn có nhiều ý tưởng mới. Anh ấy rất sáng tạo.*)

3. **Đáp án: D.** microwave

Giải thích:

A. air-conditioner (*n.*): điều hòa

B. fridge (*n.*): tủ lạnh

C. dishwasher (*n.*): máy rửa bát

D. microwave (*n.*): lò vi sóng

Xét về nghĩa, phương án D phù hợp nhất.

Dịch nghĩa: I'll reheat the soup in the microwave. (*Tôi làm nóng lại súp bằng lò vi sóng.*)

4. **Đáp án: C.** attic

Giải thích:

A. living room (n.): phòng khách

B. dining room (n.): phòng ăn

C. attic (n.): gác mái

D. bedroom (n.): phòng ngủ

Xét về nghĩa, phương án C phù hợp nhất.

Dịch nghĩa: We store old things in the attic at the top of the house. (*Chúng tôi giữ các đồ đạc cũ ở gác mái trên cùng của căn nhà.*)

5. Đáp án: C. personality

Giải thích:

A. display (n.): sự trưng bày

B. emotion (n.): cảm xúc

C. personality (n.): tính cách

D. appearance (n.): vẻ ngoài

Xét về nghĩa, phương án C phù hợp nhất.

Dịch nghĩa: My close friend, Tracy, has such a kind, friendly personality. (*Bạn thân của tôi, Tracy, có tính cách tốt bụng, thân thiện như vậy.*)

6. Đáp án: A. organise

Giải thích:

A. organise (v.): tổ chức

B. share (v.): chia sẻ

C. help (v.): giúp đỡ

D. construct (v.): xây dựng

Xét về nghĩa, phương án A phù hợp nhất.

Dịch nghĩa: Most British schools organise social events for the students. (*Hầu hết các trường học ở Anh tổ chức các sự kiện xã hội cho học sinh.*)

II - Put the verbs in brackets in Present Simple or Present Continuous.

1. Đáp án: always brings

Giải thích: Trong câu có trạng từ tần suất “always” (luôn luôn) thể hiện sự việc lặp đi lặp lại ở hiện tại nên động từ được chia ở thì hiện tại đơn. Chủ ngữ “Tuan” ở ngôi thứ ba số ít nên động từ “bring” được chia thành “brings”.

Dịch nghĩa: Tuan always brings a dictionary to his English class. (*Tuan luôn mang một quyển từ điển tới lớp Tiếng Anh.*)

2. Đáp án: is - working

Giải thích: Trong câu có trạng từ chỉ thời gian “at present” (hiện tại) thể hiện sự việc đang diễn ra ở hiện tại nên động từ được chia ở thì hiện tại tiếp diễn. Chủ ngữ “your mother” ở ngôi thứ ba số ít nên động từ “work” được chia ở thể nghi vấn là “is - working”.

Dịch nghĩa: Where is your mother working at present? (*Mẹ cậu hiện tại đang làm việc ở đâu?*)

3. Đáp án: never goes

Giải thích: Trong câu có trạng từ tần suất “never” (không bao giờ) thể hiện sự việc lặp đi lặp lại ở hiện tại nên động từ được chia ở thì hiện tại đơn. Chủ ngữ “My sister” ở ngôi thứ ba số ít nên động từ “go” được chia thành “goes”.

Dịch nghĩa: My sister never goes to the swimming pool. (*Chị gái tôi không bao giờ đi đến bể bơi.*)

4. Đáp án: lose

Giải thích: Sự việc “Hầu hết cây rụng lá thì bị rụng lá vào mùa thu.” là một sự thật hiển nhiên nên động từ được chia ở thì hiện tại đơn. Chủ ngữ “Most deciduous plants” ở ngôi thứ ba số nhiều nên động từ “lose” giữ nguyên.

Dịch nghĩa: Most deciduous plants lose their leaves in the autumn. (*Hầu hết các cây rụng lá thì bị rụng lá vào mùa thu.*)

5. Đáp án: is singing

Giải thích: Câu “I can hear Adam.” (Tôi có thể nghe thấy Adam.) thể hiện sự việc ở câu thứ hai đang xảy ra tại thời điểm nói nên động từ được chia ở thì hiện tại tiếp diễn. Chủ ngữ “He” ở ngôi thứ ba số ít nên động từ “sing” được chia ở thể nghi vấn là “is singing”.

Dịch nghĩa: I can hear Adam. He is singing in the bathroom. (*Tôi có thể nghe thấy Adam. Cậu ấy đang hát trong nhà tắm.*)

6. Đáp án: are taking

Giải thích: Trong câu có trạng từ chỉ thời gian “at the end of this month” (cuối tháng này) thể hiện sự việc được sắp xếp thực hiện trong tương lai nên động từ được chia ở thì hiện tại tiếp diễn. Chủ ngữ “We” ở ngôi thứ nhất số nhiều nên động từ “take” được chia thành “are taking”.

Dịch nghĩa: We are taking a trip to Mount Fuji at the end of this month. (*Chúng tôi sẽ có chuyến đi tới núi Phú Sĩ vào cuối tháng này.*)

III - Choose the underlined part which needs correction.

1. Đáp án: C. to → and

Giải thích: Ta có cấu trúc: between ... and ... (giữa ... and ...).

Dịch nghĩa: My house is between the bookstore and the department store. (*Ngôi nhà của tôi ở giữa hiệu sách và cửa hàng bách hóa.*)

2. Đáp án: C. plays → is playing

Giải thích: Câu “Ben is in his bedroom.” (Ben đang ở trong phòng ngủ.) thể hiện sự việc được nhắc đến ở câu hai đang xảy ra tại thời điểm nói nên động từ được chia ở thì hiện tại tiếp diễn. Chủ ngữ “He” ở ngôi thứ ba số ít nên động từ “play” được chia thành “is playing”.

Dịch nghĩa: Ben is in his bedroom. He is playing computer games. (*Ben đang ở trong phòng ngủ. Cậu ấy đang chơi điện tử.*)

3. Đáp án: D. lip → lips

Giải thích: Ta có: “lips” luôn ở dạng số nhiều chỉ “đôi môi”.

Dịch nghĩa: Snow White has white skin, black hair and red lips. (*Bạch Tuyết có làn da trắng, tóc đen và môi đỏ.*)

4. Đáp án: A. are → is

Giải thích: “ham” (thịt lợn xông khói) là danh từ không đếm được nên động từ to be tương ứng là “is”.

Dịch nghĩa: There is some ham. I will make a sandwich for breakfast. (Có một chút thịt lợn xông khói. Tôi sẽ làm một chiếc xăng-đuych cho bữa sáng.)

SKILLS

- LISTENING -

Listen to Minh talking about his school and choose the best option to answer each of the following questions.

Audio script:

Hi, my name's Minh. I'm studying at Quang Trung secondary school. It's on Nguyen Hue street. My school has three floors and thirty-five classrooms with over 1000 students. I'm in class 6C. We only go to school half a day, in the morning or in the afternoon. We wear uniform to school every day. At school, we learn 12 subjects. I like Maths and English best, but I don't like Music or Art. I often play basketball or chat with my classmates at break time. After school, I do my homework, watch TV, play computer games and sometimes help my mother do the housework.

Xin chào, tên tớ là Minh. Tớ học ở trường trung học Quang Trung. Nó trên đường Nguyễn Huệ. Trường tớ có ba tầng và ba mươi lăm lớp với hơn 1000 học sinh. Tớ học lớp 6C. Chúng tớ chỉ đến trường nửa ngày, vào buổi sáng hoặc buổi chiều. Chúng tớ mặc đồng phục đến trường mỗi ngày, ở trường, chúng tớ học 12 môn. Tớ thích môn Toán và tiếng Anh nhất, nhưng tớ không thích Âm nhạc hay Mỹ thuật. Tớ thường chơi bóng rổ hoặc trò chuyện với các bạn cùng lớp vào giờ ra chơi. Sau giờ học, tớ làm bài tập về nhà, xem tivi, chơi điện tử và đôi khi giúp mẹ tớ làm việc nhà.

1. Đáp án: A. more than 1000

Dịch nghĩa câu hỏi: Có _____ học sinh ở trường Minh.

A. hơn 1000

B. dưới 1000

C. 1035

D. 1335

Giải thích: Dựa vào thông tin sau trong bài: "My school has three floors and thirty-five classrooms with over 1000 students."

2. Đáp án: D. A or B is correct.

Dịch nghĩa câu hỏi: Minh đi học vào lúc nào?

A. Vào buổi sáng

B. Vào buổi chiều

C. Cả ngày

D. A hoặc B đều đúng.

Giải thích: Dựa vào thông tin sau trong bài: "We only go to school half a day, in the morning or in the afternoon."

3. Đáp án: C. He doesn't have to wear uniform to school.

Dịch nghĩa câu hỏi: Phát biểu nào sau đây KHÔNG đúng?

A. Có 35 phòng học ở trường cậu ấy.

B. Cậu ấy học ở lớp 6C.

C. Cậu ấy không phải mặc đồng phục đến trường.

D. Cậu ấy học mười hai môn học ở trường.

Giải thích: Dựa vào thông tin sau trong bài: “We wear uniform to school every day.”

- Phương án A đúng vì dựa vào câu sau: “My school has three floors and thirty-five classrooms [...].”
- Phương án B đúng vì dựa vào câu sau: “I’m in class 6C.”
- Phương án D đúng vì dựa vào câu sau: “At school, we learn 12 subjects.”

4. Đáp án: C. English and Maths

Dịch nghĩa câu hỏi: Mình thích những môn học nào nhất?

- A. Âm nhạc và Mỹ thuật
- B. Tiếng Anh và Âm nhạc
- C. Tiếng Anh và Toán
- D. Toán và Mỹ thuật

Giải thích: Dựa vào thông tin sau trong bài: “I like Maths and English best.”

5. Đáp án: B. play basketball

Dịch nghĩa câu hỏi: Mình không _____ sau giờ học.

- A. làm bài tập về nhà
- B. chơi bóng rổ
- C. giúp đỡ mẹ
- D. xem tivi

Giải thích: Dựa vào thông tin sau trong bài: “After school, I do my homework, watch TV, play computer games and sometimes help my mother do the housework.”

- READING -

I - Read the following passage and choose the best option to fill in each blank.

1. Đáp án: A. arrive

Giải thích: Dựa vào các câu phía sau, ta nhận thấy đoạn văn đang diễn tả sự việc xảy ra ở hiện tại nên ở câu này động từ được chia ở thì hiện tại đơn. Chủ ngữ “I” ở ngôi thứ nhất số ít nên động từ “arrive” giữ nguyên.

2. Đáp án: C. uniform

Giải thích:

- A. hat (n.). mũ
- B. shirt (n.): áo sơ mi
- C. uniform (n.). đồng phục
- D. suit (n.). bộ com-lê

Xét về nghĩa phương án C phù hợp nhất.

3. Đáp án: C. canteen

Giải thích:

- A. classroom (n.). phòng học
- B. library (n.): thư viện
- C. canteen (n.): căng-tin
- D. laboratory (n.): phòng thí nghiệm

Xét về nghĩa phương án C phù hợp nhất.

4. Đáp án: C. but

Giải thích:

- A. so (conj.): nên (diễn tả kết quả)
- B. or (conj.): hoặc (diễn tả sự lựa chọn)
- C. but (conj.): (diễn tả sự đối lập)
- D. as (conj.). vì (diễn tả nguyên nhân)

Việc “Có các câu lạc bộ sau giờ học” đối lập với “chúng tớ không phải đi đến đó” nên ta dùng từ nối “but”.

Dịch nghĩa toàn bài:

Tớ đến trường lúc 8h45. Trường học bắt đầu lúc 8h55. Tớ mặc quần áo của mình đến trường. Chúng tớ không phải mặc đồng phục. Có năm tiết học vào buổi sáng. Tiết học cuối cùng kết thúc lúc 12h30. Sau đó, đến bữa trưa. Chúng tớ không phải ở lại trường nhưng có một căng-tin nên tớ thường ăn ở đó.

Có hai tiết học vào buổi chiều. Trường học kết thúc lúc 3h15. Chúng tớ có thể về nhà sau đó hoặc có những câu lạc bộ sau giờ học, nhưng chúng tớ không thể đi đến đó. Chúng tớ có bài tập về nhà mỗi tối trong tuần. Bài tập về nhà rất quan trọng vì chúng tớ phải làm bài kiểm tra vào cuối năm, và có rất nhiều thứ để học.

II - Read the passage and decide whether the statements are True (T) or False (F).

Xin chào! Tớ là Chris. Để tớ giới thiệu về ngôi nhà mới của tớ. Đây là ngôi nhà đẹp nhất mà tớ từng thấy. Nó lớn hơn nhiều so với ngôi nhà trước của tớ nhưng cũng đắt hơn. Ngôi nhà trông rất hiện đại.

Ở tầng một, có một nhà bếp, một phòng ăn và một phòng khách. Phòng ngủ của tớ ở trên tầng hai và có tầm nhìn ra quang cảnh bên ngoài tuyệt vời. Cuối cùng thì tớ cũng có một phòng riêng mà không phải chia sẻ với em trai, Tom. Phòng ngủ của nó ở đối diện với phòng của tớ. Cũng có phòng ngủ của bố mẹ và một phòng tắm nữa.

Điều thích nhất của ngôi nhà này là nó có một khu vườn xinh xắn. Có rất nhiều hoa và cây trong đó. Tớ thích nó bởi vì Tom và tớ có rất nhiều niềm vui ở đây.

1. Đáp án: False

Dịch nghĩa câu hỏi: Nhà mới của Chris rẻ hơn nhà trước của cậu ấy.

Giải thích: Dựa vào câu sau trong bài: "On the first floor, [...]. My bedroom is on the second floor [...]"

2. Đáp án: True

Dịch nghĩa câu hỏi: Nhà của Chris có hai tầng.

Giải thích: Dựa vào câu sau trong bài: "It has got a first floor and a second floor."

3. Đáp án: False

Dịch nghĩa câu hỏi: Phòng ngủ của Tom ở tầng một.

Giải thích: Dựa vào câu sau trong bài: "My bedroom is on the second floor [...]. His bedroom is opposite mine."

4. Đáp án: True

Dịch nghĩa câu hỏi: Chris và Tom đã từng chung phòng ngủ.

Giải thích: Dựa vào câu sau trong bài: "I finally have one that I don't have to share with my younger brother, Tom."

5. Đáp án: True

Dịch nghĩa câu hỏi: Khu vườn có rất nhiều hoa và cây.

Giải thích: Dựa vào câu sau trong bài: "The best thing about this house is that it has a lovely garden. There is a lot of flowers and trees in it."

- WRITING -

I - Put the words or phrases in the correct order.

1. **Đáp án:** There are five rooms in my apartment.

Dịch nghĩa: Có năm phòng trong căn hộ của tôi.

2. **Đáp án:** My cat is chasing a rat at the moment.

Dịch nghĩa: Con mèo của tôi lúc này đang rượt một con chuột.

3. **Đáp án:** Dwarfs are small and short but strong.

Dịch nghĩa: Những chú lùn nhỏ bé và thấp nhưng lại khỏe mạnh.

4. **Đáp án:** My brother goes to the judo club twice a week.

Dịch nghĩa: Anh trai tôi đi đến câu lạc bộ judô hai lần một tuần.

5. **Đáp án:** A strange car is in front of my house.

Dịch nghĩa: Một chiếc ô tô lạ đang đứng trước cửa nhà tôi.

II - Write a short paragraph (40 - 60 words) to describe your favourite room in your house.

Dịch nghĩa câu hỏi:

Viết một đoạn văn ngắn (40 - 60 từ) để miêu tả căn phòng yêu thích trong nhà của bạn.

Bạn có thể sử dụng các câu hỏi sau như gợi ý.

- Căn phòng yêu thích của bạn là gì?
- Nó trông như thế nào?
- Có những đồ nội thất nào?
- Tại sao bạn lại thích nó?

Gợi ý trả lời:

MAIN IDEAS (Ý chính)

Favourite room (Căn phòng yêu thích)

- bedroom (*n.*) (phòng ngủ)
- living room (*n.phr*) (phòng khách)
- kitchen (*n.*) (phòng bếp)
- bathroom (*n.*) (phòng tắm)

What it looks like (Trông như thế nào)

- large (*adj.*) (rộng)
- small (*adj.*) (nhỏ)
- convenient (*adj.*) (tiện nghi)
- comfortable (*adj.*) (thoải mái)

Furniture (Đồ nội thất)

- table and chairs (*n.phr.*) (bàn ghế)
- fridge (*n.*) (tủ lạnh)
- microwave (*n.*) (lò vi sóng)
- cupboard (*n.*) (tủ chạn)

Reason you like it (Lý do bạn thích)

- private (*adj.*) (riêng tư)
- family gathering place (*n.phr.*) (nơi gia đình sum họp)
- cook delicious meals (*v.phr.*) (nấu bữa ăn ngon)
- enjoy a big bath (*v.phr.*) (tận hưởng bồn tắm lớn)

Bài mẫu:

In my house, my favourite room is the kitchen. It is cosy with the light yellow wall. There is a fridge in the right corner of the room. Next to the fridge, there is a gas table and a microwave. On the other side of the gas table is the sink. It is also under the window. From the window, I have a view of the garden. There is a cupboard on the wall next to the window. We put bowls and dishes in it. In the middle of the kitchen, there is a big round table and four chairs to eat meals. I love very much my kitchen because it is a place my family gather and cook together at the weekend.

Trong nhà em, phòng yêu thích của em là nhà bếp. Nó ấm cúng với bức tường màu vàng nhạt. Có một tủ lạnh ở góc bên phải của căn phòng. Bên cạnh tủ lạnh, có một bàn bếp gas và lò vi sóng, ở phía bên kia của bàn bếp gas là bồn rửa. Nó cũng ở bên dưới cửa sổ. Từ cửa sổ, em có thể nhìn ra vườn. Có một cái tủ trên tường cạnh cửa sổ. Gia đình em đặt bát đĩa trong đó. Ở giữa bếp, có một bàn tròn lớn và bốn cái ghế để dùng bữa. Em rất thích nhà bếp vì đây là nơi gia đình em tụ tập và nấu ăn cùng nhau vào cuối tuần.